

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 17/02/2022.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Trường.

Bà Lê Thị Ánh Sáng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Linh Phương – Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 663/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ 11, ấp XG, xã LP, huyện LT, tỉnh ĐN.

Bị đơn: Anh Lê Thành N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp BM, xã LA, huyện LT, tỉnh ĐN.

(Chị T, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Thành N tự nguyện chung sống, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01 ngày 12/12/2012.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị và anh N chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2021 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tranh cãi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay không hòa giải đoàn tụ.

Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên là Lê Gia B, sinh ngày 29/10/2013. Hiện con chung đang do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị yêu cầu giao cháu B cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Thành N: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị T. Xử cho chị T được ly hôn với anh Lê Thành N.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Gia B, sinh ngày 29/10/2013 cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa chị Lê Thị T và anh Lê Thành N là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do, chị Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh N chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyền số 01 ngày 12/12/2012 nên là hôn nhân hợp pháp

theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình sống chung anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi. Vợ chồng đã sống ly thân mà không có biện pháp bàn bạc đoàn tụ với nhau.

Chị T cho rằng vợ chồng tranh cãi và không còn chung sống từ tháng 6/2021 đến nay, không hòa giải đoàn tụ, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tòa án nhiều lần mời anh N đến Tòa án làm việc nhưng anh N vẫn không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa thể hiện sự bỏ mặc quan hệ hôn nhân với chị T. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Lê Thành N lâm vào tình trạng trầm trọng nên giải quyết cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Gia B, sinh ngày 29/10/2013; Chị T yêu cầu giao cháu B cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Xét cháu B từ trước đến nay do chị T chăm sóc nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cháu B cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo cho cháu phát triển ổn định về thể chất và tinh thần, anh N tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, anh N vắng mặt không có ý kiến, nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[7]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T. Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Thành N.

Về con chung: Giao cháu Lê Gia B, sinh ngày 29/10/2013 cho chị Lê Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời anh Lê Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Lê Thành N vẫn được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết

định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004986 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị T đã nộp xong.

Chị Lê Thị T và anh Lê Thành N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã Long An;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nhật Lệ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Trường Lê Thị Ánh Sáng

Trần Nhật Lệ